

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02-7-2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Phi Anh;

2. Ông Bùi Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1995; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn G, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2024, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang ngày 28 tháng 3 năm 2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại Khu phố C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Đến cuối năm 2018, chị X đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi qua lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, gọi điện thăm hỏi, động viên nhau. Sau đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, rất ít liên lạc, không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau; nguyên nhân do xa cách, không cùng quan điểm sống.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị giải quyết những vấn đề sau:

- Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Trần Thị X.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Công văn số 769/PA08(Đ1) ngày 13/5/2024, Phòng Q Công an tỉnh Q xác nhận: Chị Trần Thị X đã xuất cảnh ngày 11/5/2024 qua Cửa khẩu Sân bay quốc tế N1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến cho chị Trần Thị X thông qua mẹ đẻ của chị X là bà Nguyễn Thị P; địa chỉ: thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Tại biên bản xác minh ngày 06/6/2024, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Hiện chị Trần Thị X đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội, nhưng địa chỉ cụ thể của chị X ở nước ngoài thì bà P không biết. Quá trình giải quyết vụ án, bà P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị X biết việc anh N có đơn xin ly hôn, đang được TAND tỉnh Quảng Trị thụ lý giải quyết. Chị X có ý kiến đồng ý ly hôn anh N. Về con chung và tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Trần Thị X.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án :

Anh Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Trần Thị X. Theo Công văn số 769/PA08(Đ1) ngày 13/5/2024 của Phòng Q Công an tỉnh Q xác nhận: Chị Trần Thị X đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 11/5/2024, đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Như vậy, vụ án này có đương sự ở nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, anh N và người thân của chị X không cung cấp được địa chỉ nơi chị X đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài. Tuy nhiên, chị X vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và các ứng dụng mạng xã hội. Chị X đã được người thân thông báo về việc TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý, giải quyết vụ án anh N khởi kiện xin ly hôn nhưng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc “Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ” để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tổng đạt kế hoạch giải quyết vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến cho chị X thông qua bà Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của chị X. Bà P đã nhận và cam đoan thông báo lại cho chị X nhưng chị X không đến Tòa án để giải quyết việc anh N có yêu cầu xin ly hôn. Do đó Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị X1 được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị X kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang ngày 28/3/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn N xin được ly hôn chị Trần Thị X, HĐXX thấy rằng: Thời gian đầu mới kết hôn, chị X và anh N chung sống hạnh

phúc. Tuy nhiên, sau đó do chị N đi xuất khẩu lao động, vợ chồng cách xa nhau về mặt địa lý nên hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Kế hoạch giải quyết vụ án và thông báo cho chị X biết để sắp xếp công việc, tham gia tố tụng. Tòa án triệu tập chị X đến Tòa để hòa giải việc anh N xin ly hôn nhưng chị X không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình, chứng tỏ chị X không mong muốn để vợ chồng đoàn tụ. Thông qua mẹ đẻ của mình, chị X cũng đồng ý ly hôn anh N. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Trần Thị X theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Anh Nguyễn Văn N và chị Trần Thị X không có con chung, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

1. Anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Trần Thị X,
2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000087 ngày 14/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh N đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND TT Mỹ Phước;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Việt Trung